

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 267/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30- 7- 2019

V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông Nguyễn Văn Ngân.
 2. Ông Võ Văn Tám.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Trường-Thư ký Tòa án.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2018/TLST- HNGĐ ngày 06-12-2018, về: “ *Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đặng Thị L, sinh năm 1992, cư trú tổ 16 ấp Phú Mỹ H, xã Phú Th, Phú T, An Giang.
- Bị đơn: Trần Văn Q, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú ấp Hòa Ph, xã Phú H, Phú T, An Giang, tạm trú ấp Phú H B, xã Phú Th A, huyện Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai thì chị ĐặngThị L trình bày:

- Chị với anh Q thành vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2011, ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp cấp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, anh Q mê chơi không quan tâm gia đình và chính thức ly thân từ năm 2016 đến nay.

- Con chung: Không có.
- Tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận.
- Nợ phải thu và phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn: Xin ly hôn với anh Q.
- Về tài sản: Vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ phải thu và phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 17 tháng 6 năm 2019 thì anh Trần Văn Q trình bày:

- Anh với chị L thành vợ chồng vào năm 2010, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2011, ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp cấp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì ly thân đến nay do bất đồng quan điểm sống.

- Con chung : Không có.

- Tài sản; Vợ, chồng tự thỏa thuận.

- Nợ phải thu, phải trả: Không có.

Yêu cầu:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị L.

- Về tài sản: Vợ, chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ phải thu và phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

{1.1} Chị L và anh Quý có đơn yêu cầu vắng mặt về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

{1.2} Chị L và anh Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị.

{ 2} Về nội dung :

{2.1} Hôn nhân giữa chị L với anh Q có đăng ký kết hôn vào ngày 11- 01- 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Về nguyên nhân ly thân: Do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi và chính thức ly thân đến nay 03 năm. Nay chị L và anh Q thống nhất ly hôn. HĐXX xét thấy, nếu hòa giải được thì đã lập biên bản và ra quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn, nhưng do anh, chị đều vắng mặt, điều đó cho thấy hạnh phúc của gia đình anh, chị thật sự không còn, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L. Theo khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình năm 2014.

{2.2} Về quan hệ con chung: Anh chị thống nhất khai không có.

{2.3} Về quan hệ tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4} Về quan hệ nợ phải thu: Anh, chị thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4} Về nợ phải trả: anh, chị thống nhất khai không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu

trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.5} Về án phí DSST: Chị L phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội là 300.000đ.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân – gia đình;
- Khoản 4, Điều 147; Khoản 1, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Trần Văn Q. Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2011, ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp không còn giá trị pháp lý.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: L phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0007241 ngày 05- 12- 2019 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Chị L không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị L và anh Q có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục T.H.A DS huyện Phú Tân;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thành Dũng

-